| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TÂN UYÊN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2025/KDTM-ST
Ngày: 16-4-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Võ Thị Lê.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa*: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 212/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 27/2025/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2025; giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại T; địa chỉ trụ sở: Số 1, tổ 1, khu phố 1A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 25C, khu phố V, thị trấn D, huyện N, tỉnh Đồng Nai; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 20/9/2024); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Nội thất và Thiết kế V; địa chỉ trụ sở: tổ 8, khu phố 2, phường K, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lê Thị Thanh N trình bày:*

Ngày 15/3/2021, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại T (sau đây gọi tắt là Công ty T) và Công ty TNHH Nội thất và Thiết kế V (sau đây gọi tắt là Công ty V) ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT-VV-21 để mua bán các loại sản phẩm về sơn, dùng để sơn hàng đồ gỗ nội thất. Nội dung hợp đồng thể hiện: số lượng, chủng loại hàng hóa theo từng đơn đặt hàng của Công ty V; đơn giá: được thực hiện theo bảng báo giá có ký xác nhận giữa hai bên; thời hạn thanh toán: thanh toán 100% giá trị công nợ cho bên bán trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao hàng và xuất hóa đơn tài chính, hạn mức công nợ không vượt quá 200.000.000 đồng.

Ngày 20/3/2021, Công ty V phát sinh đơn hàng và trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T luôn đáp ứng đầy đủ mọi đơn hàng theo yêu cầu của Công ty V. Tuy nhiên, Công ty V lại thường xuyên chậm thanh toán tiền hàng cho Công ty T. Đến cuối tháng 11/2022, Công ty V không mua hàng và cũng không thanh toán tiền cho Công ty T. Do đó, ngày 01/4/2023, hai Công ty cùng ký xác nhận công nợ, thể hiện Công ty V còn nợ tiền hàng Công ty T đến ngày 31/3/2023 với tổng số tiền gốc là 308.030.295 đồng và việc thanh toán được chia làm 5 tháng (từ tháng 4/2024 đến tháng 8/2024) và trả dần mỗi tháng cộng với lãi suất theo ngân hàng ACB (9%/năm).

Sau khi hai bên xác lập "Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ" ngày 01/4/2023 nêu trên, Công ty T liên tục nhắc nhở Công ty V thực hiện thanh toán công nợ quá hạn. Tuy nhiên, Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như cam kết nên Công ty T đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Công ty V có nghĩa thanh toán cho Công ty T các khoản tiền gồm:

1. Tiền nợ gốc 308.030.295 đồng;

2. Tiền lãi theo thỏa thuận tại Biên bản xác nhận và cam kết trả nợ ngày 01/4/2023 là 27.721.827 đồng;

3. Tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng) của từng đợt thanh toán, cụ thể:

+ Đợt thanh toán tháng 4/2024 của số tiền 63.914.211 đồng, kể từ tháng 5/2024 đến ngày xét xử (làm tròn 12 tháng) là: 63.914.211 đồng x 0,75%/tháng x 12 tháng = 5.752.279 đồng;

+ Đợt thanh toán tháng 5/2024 của số tiền 63.452.181 đồng, kể từ tháng 6/2024 đến ngày xét xử (làm tròn 11 tháng) là: 63.452.181 đồng x 0,75%/tháng x 11 tháng = 5.234.805 đồng;

+ Đợt thanh toán tháng 6/2024 của số tiền 62.990.150 đồng, kể từ tháng 7/2024 đến ngày xét xử (làm tròn 10 tháng) là: 62.990.150 đồng x 0,75%/tháng x 10 tháng = 4.724.261 đồng;

+ Đợt thanh toán tháng 7/2024 của số tiền 62.528.120 đồng, kể từ tháng 7/2024 đến ngày xét xử (làm tròn 09 tháng) là: 62.528.120 đồng x 0,75%/tháng x 09 tháng = 4.220.646 đồng;

+ Đợt thanh toán tháng 8/2024 của số tiền 62.066.089 đồng, kể từ tháng 8/2024 đến ngày xét xử (làm tròn 08 tháng) là: 62.066.089 đồng x 0,75%/tháng x 08 tháng = 3.723.965 đồng.

Tổng tiền lãi chậm thanh toán là 23.655.956 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T là 359.408.078 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ tám nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH Nội thất và Thiết kế V theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Nội thất và Thiết kế V không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 106/ĐKKD ngày 14/01/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Nội thất và Thiết kế V, mã số doanh nghiệp 3702627044 đăng ký lần đầu ngày 14/12/2017; địa chỉ trụ sở chính tại: tổ 8, khu phố 2, phường K, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. Tình trạng pháp lý: Đang hoạt động. Hiện tại, Phòng đăng ký kinh doanh chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty V thanh toán tiền liên quan đến mua bán hàng hoá. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty V có trụ sở hoạt động tại phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty V thanh toán tổng số tiền là 359.408.078 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ tám nghìn không trăm bảy mươi tám đồng); trong đó tiền nợ gốc là 308.030.295 đồng, tiền lãi theo thỏa thuận 27.721.827 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 23.655.956 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Giữa Công ty T và Công ty V có ký Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số: 01/HĐNT-VV-21 ngày 15/3/2021. Theo đó, Công ty T cung cấp các loại sản phẩm về sơn, dùng để sơn hàng đồ gỗ nội thất cho Công ty V; số lượng, chủng loại hàng hóa theo từng đơn đặt hàng của Công ty V; đơn giá được thực hiện theo bảng báo giá có ký xác nhận giữa hai bên; thời hạn thanh toán: thanh toán 100% giá trị công nợ cho bên bán trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao hàng và xuất hóa đơn tài chính, hạn mức công nợ không vượt quá 200.000.000 đồng; hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Hợp đồng giữa Công ty T và Công ty V thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

Sau khi ký hợp đồng nêu trên, hai Công ty đã tiến hàng giao nhận hàng hoá và Công ty T đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng theo từng đợt giao nhận hàng cho Công ty V, sau đó các bên có tiến hành xác lập biên bản đối chiếu công nợ.

Theo biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 01/4/2023 giữa hai Công ty ký xác nhận tổng số tiền hàng đến ngày 31/3/2023 Công ty V còn nợ Công ty T số tiền 308.030.295 đồng. Công ty V xin giãn thời gian thanh toán khoản nợ trên theo lịch thanh toán như sau: tổng số nợ được chia cho 5 tháng (từ tháng 4/2024 đến tháng 8/2024) và trả dần mỗi tháng cộng với lãi suất theo ngân hàng ACB (9%/năm) cụ thể: lãi suất tính từ ngày 01/4/2023 đến 31/3/2024 tổng phải trả 27.721.827 đồng; tháng 4/2024: trả gốc và lãi là 63.914.211 đồng; tháng 5/2024: trả gốc và lãi là 63.452,181 đồng; tháng 6/2024: trả gốc và lãi là 62.990.150 đồng; tháng 7/2024: trả gốc và lãi là 62.528.120 đồng; tháng 8/2024: trả gốc và lãi là 62.066.089 đồng. Vậy tổng số tiền Công ty V cần thanh toán cho cty Toàn Châu đến tháng 8/2024 là 342.672.578 đồng. Nếu bên A (Công ty V) chậm trả theo thỏa thuận thì sẽ chịu trách nhiệm với số tiền chậm trả tương ứng với mức lãi suất là 0,03%/ngày … (bút lục 137-138). Nội dung thỏa thuận nêu trên thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào như cam kết nêu trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo từng đợt như cam kết với lãi suất 09%/năm (tương đương 0,75%/tháng) là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền là 359.408.078 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ tám nghìn không trăm bảy mươi tám đồng); trong đó tiền nợ gốc 308.030.295 đồng, tiền lãi theo thỏa thuận 27.721.827 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 23.655.956 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ sự phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 5, 30, 35, 39, 92, 147, 228, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 24, 50, 55, 301, 306 và 319 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại T với bị đơn Công ty TNHH Nội thất và Thiết kế V về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Buộc Công ty TNHH Nội thất và Thiết kế V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại T tổng số tiền là 359.408.078 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ tám nghìn không trăm bảy mươi tám đồng); trong đó tiền nợ gốc là 308.030.295 đồng, tiền lãi theo thỏa thuận 27.721.827 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 23.655.956 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Nội thất và Thiết kế V phải chịu số tiền 17.970.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại T số tiền 9.541.000 đồng (Chín triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004685 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Lê**